**CHUYÊN ĐỀ XI. CÂU ĐIỀU KIỆN**

**A. Kiến thức lý thuyết**

- Câu điều kiện (conditional sentences) được dùng để miêu tả, giải thích một sự việc có thể xảy ra khi điều kiện đang được nói đến trong câu xảy ra.

- Câu điều kiện thường có hai mệnh đề: mệnh đề chính (main clause - còn gọi là mệnh đề kết quả) và mệnh đề phụ bắt đầu bằng **if** (mệnh đề điều kiện - if clause).

- Mệnh đề phụ điều kiện có thể đứng trước hoặc sau mệnh dề chính. Khi mệnh đề phụ đứng trước thì phải ngăn cách bằng dấu phẩy

*E.g. If the weather is fine this afternoon, we'll go to the beach.*

*I would buy that dress if I were you.*

**1. Câu điều kiện loại 0 (Zero Conditional)**

*a. Cấu trúc*

**If clause Main clause**

(Hiện tại đơn) (Hiện tại đơn)

If + S + Vs/es S + Vs/es

*b. Cách dùng*

- Để diễn tả những điều luôn luôn đúng hoặc một sự thật hiển nhiên.

*E.g. If you heat water to 1000C, it boils.*

Có thể thay *if = when* khi diễn đạt những tình huống được coi là chân lí.

*When the sun goes down, it gets dark.*

- Để hướng dẫn, chỉ bảo ai đó làm gì bằng cách sử dụng mệnh lệnh thức (imperative) trong mệnh đề chính.

*E.g. If you want to come, call me before noon.*

- Để nói về thói quen hay hành dộng, sự việc thường xuyên xảy ra ở hiện tại.

*E.g. My father usually takes me to the cinema if I get good marks.*

**2. Câu điều kiện loại 1 (First Conditional)**

*a. Cấu trúc*

**If clause Main clause**

(Hiện tại đơn) (Tương lai đơn)

If + S + Vs/es S + will / shall + V

*b. Cách dùng*

- Để diễn tả một sự kiện hay tình huống có thể xảy ra hoặc có thể thực hiện được ở hiện tại hoặc tương lai.

*E.g. If the rain stops, I will go for a walk.*

\* Thay vì dùng thì tương lai đơn ở mệnh đề chính, ta có thể dùng *can/may/might... + V.*

*E.g. If it rains, they might cancel the match.*

**3. Câu điều kiện loại 2 (Second Conditional)**

*a. Cấu trúc*

**If clause Main clause**

(Quá khứ giả định / quá khứ đơn) (Tương lai trong quá khứ)

If + S + Ved S + *would* + V

\* Qúa khứ giả định giống qua khứ đơn *và to be* được chia là *were* cho tất cả các ngôi

*b. Cách dùng*

Để diễn tả một tình huống hay sự kiện không thể xảy ra hoặc không thể thực hiện được ở hiện tại hoặc tương lai.

*E.g. If Nam were here, he* would *know the answer. (But he* *isn't here now.)*

\* có thể dùng *cough/might... + V* ở mệnh đề chính

**4. Các số cách diễn đạt câu điều kiện khác**

***- unless = if not*** (trừ phi, trừ khi)

*E.g. If he doesn't come, I'll bring this package to him.*

*🡪 Unless he comes, I'll bring this package to him.*

***- in* case** (phòng khi điều gì có thể xảy ra): trong mệnh đề theo sau in case, thường dùng thì *hiện tại đơn* hoặc *quá khứ đơn,* không dùng will hoặc would

*E.g. I always take an umbrella in case it rains.*

*🡪 I always take an umbrella because it may rain.*

*-* ***with / without*** và ***but for*** + danh từ / cụm danh từ: được dùng như một dạng rút gọn của mệnh đề if

***E.g.*** *If you help me, I can finish this assignment.*

*🡪 With your help, I can finish this assignment.*

***- If it weren't for +*** danh từ = *without’,* nếu không vì, nếu không có

***E.g.*** *If it weren't for/ Without your support, I couldn't finish the task on time.*

***- suppose /supposing:*** giả sử

***E.g.*** *Supposing (that) you are wrong, what will you do then?*

*Suppose you lost your job tomorrow, what would you do?*

***- provided/providing:*** miễn là

*E.g. Provided that you have the money in your account, you can withdraw up to £100 a day.*

**B. Luyện tập**

**Exercise 1: *Write the correct form of the verb in brackets to complete each of the following sentences.***

1. If I were in London, I (visit) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ my sister.

2. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (you / go) with me if you are free tomorrow?

3. If he (not like) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ this bike, I will give it to you.

4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (you / buy)that car if you (be) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ Tom?

5. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (you / go)camping unless it (rain) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?

**Exercise 2: *Rewrite these sentences, beginning with the given words.***

1. Working so much will make you tired.

🡪 If

2. I am not you. I can't understand your problems.

🡪 If

3. If they don't have money, they will not buy it.

🡪 Unless

4. Unless she has free time, she will not go shopping.

🡪 If she

5. You are not in my shoes. You can't understand my dilemmas.

🡪 If

Exercise 3: Choose the best answer (A, B, C, or D) to complete each of The following sentences.

1. I wouldn't go there at night if I \_\_\_\_\_ you.

A. am B. would be C. were D. had been

2. If they had enough time, they \_\_\_\_\_ head south.

A. will B. can C. must D. might

3. If you had the chance, \_\_\_\_\_ you go fishing?

A. did B. may C. would D. do

4. Trees won't grow \_\_\_\_\_ there is enough water.

A. if B. when C. unless D. as

5. If you \_\_\_\_\_ to be chosen for the job, you'll have to be experienced

A. want B. wanted C. had wanted D. wants